

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/DS-PT

Ngày 29- 8-2017

V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng do tài sản
bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kinh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2017/TLDS-PT ngày 08 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2017/QĐPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1962
Cư trú tại: Thôn 5, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1982
Cư trú tại: Thôn 12, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1983
Cư trú tại: Thôn 12, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

2. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1992

Cư trú tại: Thôn 16, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng

Do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức N.

(Các đương sự đều có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2014 bản tự khai và các lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:

Chiều ngày 14/02/2014 ông Nguyễn Đức N có đề nghị mua nước ao của gia đình ông để tưới vườn tại thôn 4, xã LN, huyện BL nhưng ông T chỉ giúp mà không lấy tiền. Đến chiều ngày 14/02/2014 ông N kéo ống tưới qua vườn của ông T và mang lửa vào để nối ống dẫn đến việc làm cháy vườn. Do không kịp dập lửa nên ông N đã làm cháy 1/3 diện tích vườn của ông T diện tích khoảng 3.000m².

Thiệt hại về vật chất bao gồm: Cháy dây điện, ống tưới, phụ kiện ống tưới, 40m³ cỏ khô, 153 bụi chuối LaBa 2 năm tuổi và 35 cây sầu riêng ghép ĐôNa 4 năm 8 tháng tuổi. Cụ thể như sau:

1- Ống nhựa cứng loại đặc biệt ø34 dài 100m nặng 34kg	: 1.190.000đ;
2- Ống nhựa cứng ø42 dài 25m nặng 13kg	: 390.000đ;
3- Ống nhựa dẻo ø42 dài 50m nặng 30kg	: 630.000đ;
4- Ống nhựa cứng loại đặc biệt ø50 dài 75m nặng 55kg	: 1.925.000đ;
5- Cụm tổng chia nước có van ø49 - 4 bộ	: 600.000đ;
6- Chũ T van nước thiết kế răng ø34 - 4 bộ	: 240.000đ;
7- Cùm nhôm nối ống + cô rê ø49 - 2 bộ	: 120.000đ;
8- Cùm nhôm nối ống + cô rê ø42 - 2 bộ	: 120.000đ;
9- Dây điện nhôm đúp lết AV16 60m	: 600.000đ;
10- Cỏ khô 40m ³ trả bằng hiện vật	
11- Chuối LaBa 2 năm tuổi 153 bụi	: 22.950.000đ;
12- Sầu riêng ĐôNa ghép 5 năm tuổi	: 96.803.000đ.

Tổng cộng : 125.568.000đ

Ngày 15/02/2014 ông T đã báo với Công an xã đề nghị giải quyết. Công an xã LN đã tới hiện trường xác định người gây hại và thiệt hại xảy ra, sau đó đã tạo điều kiện cho hai bên thỏa thuận bồi thường thiệt hại nhưng không thống nhất được.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông N phải bồi thường thiệt hại theo giá thị trường 125.568.000đ (trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông T

ghi tổng số tiền yêu cầu là 125.559.581đ là chưa chính xác) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn ông Nguyễn Đức N trình bày:

Ngày 14/02/2014 do bất cẩn trong quá trình nổi ống tưới nước nên anh H (là em vợ của ông N được ông N nhờ tưới vườn cà phê) đã làm cháy vườn của ông T tại thôn 4, xã LN, huyện BL. Khi Công an xã LN làm việc thì ông N đã đứng ra nhận trách nhiệm thay anh H nên trong các biên bản làm việc thì ông đã nhận mình là người trực tiếp làm cháy vườn của gia đình nhà ông T. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông N phải bồi thường số tiền 125.568.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Đức N và của người đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị P. Bà X cho rằng em trai bà là Nguyễn Ngọc H là người trực tiếp làm cháy vườn của ông T nên phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

Vào ngày 14/02/2014 anh H được anh rể là ông N thuê tưới vườn cà phê tại thôn 4, xã LN, huyện BL với giá 170.000đ/ngày. Quá trình tưới nước, do phải đốt lửa để nổi ống tưới nên anh đã vô ý làm cháy vườn nhà ông T. Nay anh H đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông T theo giá thị trường.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện BL đã xử.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T đối với vợ chồng ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị X về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Duy T số tiền 83.497.000đ

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 19/6/2017, Bị đơn ông Nguyễn Đức N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện BL.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm, sau đó nguyên đơn đồng ý giảm cho phía bị đơn 1/3 giá trị tài sản bị thiệt hại gồm dây điện, ống tưới, phụ kiện ống tưới là 1.749.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý

kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức N. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về số tiền bồi thường mà nguyên đơn đồng ý giảm cho phía bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Ngày 14/02/2014 anh Nguyễn Ngọc H là người làm công cho vợ chồng ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị X. Trong quá trình tưới nước cho vườn cà phê của gia đình ông N, do vô ý trong việc dùng lửa để nối ống tưới nên có làm cháy, gây thiệt hại 1/3 diện tích đất vườn của gia đình ông Nguyễn Duy T nên ông T khởi kiện buộc bị đơn ông N, Bà X bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 125.568.000đ; về phía bị đơn ông Nguyễn Đức N không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ: “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm” là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức N về người phải chịu bồi thường thiệt hại và việc xác định thiệt hại của vụ án cho thấy*:

Ông N kháng cáo không đồng ý bồi thường cho nguyên đơn với lý do người vô ý làm cháy vườn, gây thiệt hại là anh Nguyễn Ngọc H nên anh H phải chịu trách nhiệm. Đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được cấp sơ thẩm thu thập và lời khai của các đương sự thể hiện: Chiều ngày 14/02/2014 đúng là anh Nguyễn Ngọc H là người làm công cho vợ chồng ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị X (tiền công trả anh H là 170.000đ/ngày). Trong quá trình tưới nước vườn cà phê của gia đình ông N, do vô ý trong việc sử dụng đốt lửa để nối ống tưới nên anh H đã làm cháy 1/3 diện tích đất vườn của gia đình ông Nguyễn Duy T (khoảng 3000m²) làm thiệt hại về vật chất là dây điện, ống tưới, phụ kiện ống tưới và cây trồng trên đất gồm chuối và sầu riêng. Đến ngày 15/02/2014 ông T có báo sự việc với chính quyền địa phương, Công an xã LN đã tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận. Theo biên bản ghi lời khai ngày 18/02/2014 và biên bản giải quyết ngày 25/02/2014 tại Công an xã LN thì ông N đều thừa nhận việc làm cháy vườn của gia đình ông T dẫn đến thiệt hại về vật chất và cây trồng là do lỗi của gia đình ông gây ra và cam kết, thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình ông T. (Bút lục 01, 03). Căn cứ Điều 622 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại do người làm công gây ra*” đã thể hiện rõ mặc dù anh Nguyễn Ngọc H là người làm công có hành vi vô ý gây thiệt hại cho gia đình ông T, nhưng việc gây thiệt hại này trong thời gian anh H thực hiện công việc do gia đình ông N giao cho, vì vậy việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của vụ án

là thuộc trách nhiệm của vợ chồng ông N và Bà X. Việc ông N cho rằng anh H là người làm công vô ý làm cháy vườn, gây thiệt hại thì anh H phải chịu trách nhiệm bồi thường là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi được Hội đồng xét xử giải thích về pháp luật, ông N mới nhận thấy trách nhiệm của mình phải chịu trách nhiệm bồi thường theo pháp luật.

Việc xác định thiệt hại: Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn rút yêu cầu về khoản bồi thường 40m³ cỏ khô. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ trong vụ án và căn cứ vào kết quả định giá của Công ty thẩm định giá Việt Tín ngày 06/12/2014 đã xác định rõ thiệt hại còn lại để buộc vợ chồng ông N, Bà X phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T với số tiền 83.497.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn đề nghị cho giảm và chấp nhận số tiền bồi thường là 50.000.000đ nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận mà chỉ đồng ý cho giảm 1/3 giá trị tài sản bị thiệt hại gồm dây điện, ống tưới, phụ kiện ống tưới là 1.749.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn cho phía bị đơn được giảm số tiền bồi thường nêu trên là tự nguyện cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức N, sửa bản án sơ thẩm về số tiền bồi thường mà nguyên đơn đồng ý cho giảm nêu trên, cụ thể $83.497.000đ - 1.749.000đ = 81.748.000đ$.

[3]*Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định. Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận $(125.568.000đ - 81.748.000đ) \times 5\% = 2.191.000đ$; phía bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận $81.748.000đ \times 5\% = 4.087.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/ 12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức N:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện BL về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Duy T với bị đơn ông Nguyễn Đức N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Ngọc H.

Phản tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T đối với vợ chồng ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị X.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Duy T số tiền 81.748.000đ (Tám mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Đức N, bà Phạm Thị Xuân phải chịu 4.087.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền ông N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai thu số 0004806 ngày ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL. Ông N, Bà X còn phải nộp 3.787.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy T phải chịu 2.191.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 3.138.000đ theo biên lai thu số 0007324 ngày 06/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL. Hoàn trả cho ông Nguyễn Duy T số tiền 947.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện BL;
- Chi cục THADS huyện BL;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mừng